

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/11/2019

“V/v: Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Tường Thoại

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm
2019 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số
240/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Hữu B; địa chỉ: Số 7 kiệt 40 N, phường Thủy Biều, thành
phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Túy V; địa chỉ: Số 5/30 H, phường Thủy Biều, thành
phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại
phiên tòa, nguyên đơn - anh Hồ Hữu B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện kết hôn ngày 06/8/2015 tại Ủy
ban nhân dân phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết
hôn, anh chị về sinh sống chung với nhau hạnh phúc. Đến năm 2017 giữa hai bên xảy
ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng
anh không có con chung nên tình cảm gắn kết gia đình không có, anh chị đã sống ly
thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm săn sóc nhau.

Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân
không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh
được ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh và chị V không có con chung nên Tòa không giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Túy V trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về tố tụng đề nghị căn cứ Điều 227 xử vắng mặt bị đơn; về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận đơn ly hôn của anh B; hai bên không có con chung, nợ chung, tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét; anh Bình phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Túy V mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn cố tình vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hồ Hữu B và chị Nguyễn Thị Túy V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân phường Thủy Biều, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 06/8/2015, đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân là hợp pháp.

Xét về mâu thuẫn của vợ chồng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị V đến làm việc, nhưng chị V cố tình không đến. Điều này cho thấy chị V tự từ bỏ quyền chứng minh của mình trước Tòa; và bỏ mặc, không tôn trọng, không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của chính mình.

Xét lời khai của anh Bình, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình hôn nhân giữa vợ chồng anh đã phát sinh mâu thuẫn kéo dài mà nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung, do đó mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Mục đích hôn nhân là vợ chồng san sẻ yêu thương nhau, duy trì nòi giống, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng thực tế hôn nhân của anh và chị V đã không đạt được điều đó. Hiện tại, tình cảm của hai bên không còn, đã sống ly thân đã hơn 02 năm nay, không quan tâm gì đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa tiến hành thu thập chứng cứ từ gia đình của chị V, xác nhận mâu thuẫn của anh chị là do không có con chung, anh chị đã ly thân hơn 02 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cho biết: Hai bên đã sống ly thân nhau hơn 02 năm nay và giữa vợ chồng không có con chung.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận định: Thực tế hôn nhân giữa anh B và chị V đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xét.

Về án phí ly hôn: Anh Hồ Hữu B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Hồ Hữu B

Xử: Anh Hồ Hữu B được ly hôn với chị Nguyễn Thị Túy V.

3. Về án phí: Anh Hồ Hữu B phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2013/008758 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế, nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TT. Huế;
- VKSND TP. Huế;
- THADS TP. Huế;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND P. Phú Nhuận ;
- Lưu dân;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Mộng Trinh